

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2022

V/v ly hôn giữa chị N và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phối

Ông Nguyễn Đình Thọ

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Khánh N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số A đường NT, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (vắng mặt, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số A đường NB, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Hiện anh T đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định) (Vắng mặt, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-9-2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Khánh N trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn vào ngày 12/3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Trước khi kết hôn, chị và anh T có thời gian tự nguyện chung sống với nhau như vợ

chồng từ đầu năm 2011, đến năm 2014 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Kể từ ngày chung sống, vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 10 năm 2019 vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên chơi bời, gây nợ nần, từ đó dẫn đến đời sống vợ chồng không hòa hợp. Đến tháng 11/2019 vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng chị đã rất trầm trọng, không có khả năng hàn gắn và tình cảm vợ chồng cũng không còn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T để chị ổn định cuộc sống lo làm ăn nuôi con.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Võ Nhã Đ, sinh ngày 08-5-2011, hiện sức khỏe của cháu Đ vẫn bình thường và đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 09-12-2021, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn anh khai thống nhất như lời trình bày của chị N. Quá trình chung sống giữa anh và chị N tình trạng mâu thuẫn xảy ra kéo dài do bất đồng quan điểm sống, đến khoảng tháng 10 năm 2019 vợ chồng anh đã sống ly thân. Chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh khai thống nhất như chị N đã trình bày. Anh đồng ý yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Võ Khánh N xin ly hôn anh Nguyễn Hữu T và giao con chung cháu Nguyễn Võ Nhã Đ cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Khánh N, là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 30-12-2021. Anh Nguyễn Hữu T, là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 09-12-2021. Theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Võ Khánh N và anh Nguyễn Hữu T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Nhi, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 12/3/2014 do UBND phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp; căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Khánh N và anh Nguyễn Hữu T là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T vì mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn, hiện vợ chồng chị đã sống ly thân, tình cảm không còn, không ai còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đồng ý ly hôn thể hiện tại bản khai ngày 09-12-2021. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị N và anh T không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, do đó hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp theo qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị N và anh Thắng có 01 con chung tên Nguyễn Võ Nhã Đ, sinh ngày 08-5-2011, hiện sức khỏe của cháu Đ vẫn bình thường và đang sống cùng với chị N. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của chị N là có căn cứ, được anh T đồng ý thể hiện tại bản khai ngày 09-12-2021, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc chị Võ Khánh N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Khánh N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Võ Nhã Đ, sinh ngày 08-5-2011 cho chị Võ Khánh N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Khánh N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002875 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Khánh N và anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định
(ĐKKH số 12/12.3.2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Kim Anh